

UBND TỈNH HƯNG YÊN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113 /KH-SNN

Hưng Yên, ngày 16 tháng 4 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2024**

Thực hiện Kế hoạch số 78/KH-BCĐVSATTP ngày 11/4/2024 của Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP tỉnh về triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2024. Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2024 như sau:

**I. CHỦ ĐỀ**

Chủ đề tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2024 là: "**Tiếp tục bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới**".

**II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, xác định trách nhiệm và hành động của các cán bộ, công chức và nhân dân trong bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; Đề cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm; kịp thời thông tin các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng cao, các cơ sở vi phạm, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh, an toàn thực phẩm.

2. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về an ninh, an toàn thực phẩm; Nêu cao vai trò của chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý, tổ chức xã hội và sự giám sát của người tiêu dùng đối với việc tuân thủ pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

3. Nâng cao năng lực phòng ngừa, chủ động xử lý/phối hợp xử lý khi có sự cố về an toàn thực phẩm.

**III. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI**

1. Thời gian: Từ 15/4 đến 15/5/2024.

2. Phạm vi triển khai: Trên phạm vi toàn tỉnh.

**IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

**1. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật**

Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn các văn bản của pháp luật về ATTP.

Tăng cường tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các mô hình sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn theo chuỗi, cơ sở sản xuất, địa điểm bán sản phẩm an toàn, các sản phẩm truyền thống của địa phương nhằm quảng bá, kích lệ sản xuất sản phẩm thực phẩm an toàn, mang đậm nét truyền thống, đặc sản của địa phương.

Công khai các cơ sở, cá nhân bị phạt vi phạm hành chính về ATTP nhằm cảnh cáo, răn đe, ngăn chặn các hành vi sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo ATTP.

## **2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm an toàn thực phẩm**

Thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản. Tập trung kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công, phân cấp quản lý.

Căn cứ tình hình thực tế, nguy cơ mất an toàn thực phẩm tại cơ sở được kiểm tra, các đoàn kiểm tra, giám sát quyết định việc lấy mẫu kiểm nghiệm đánh giá chất lượng an toàn thực phẩm theo quy định.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản**

- Triển khai theo Kế hoạch này đến các đối tượng được phân công quản lý.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu thành lập đoàn kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản theo phân công, phân cấp.
- Là đầu mối tham mưu tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này về Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh.

### **2. Thủ trưởng các phòng, đơn vị liên quan trực thuộc Sở**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chuỗi sản xuất ban đầu và cung ứng sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn.

### **3. Phòng Nông nghiệp & PTNT các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố**

Triển khai công tác thông tin, tuyên truyền; thành lập đoàn kiểm tra, giám sát các đối tượng trên địa bàn quản lý theo phân công phân cấp.

Yêu cầu các đơn vị chuyên môn liên quan thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố, thị xã thực hiện nghiêm Kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện (có mẫu báo cáo gửi kèm) **trước ngày 15/5/2024** về Sở Nông nghiệp và PTNT qua Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT. ✓

#### **Nơi nhận:**

- |                                                                                                                        |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| - UBND tỉnh;                                                                                                           | đề  |
| - Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh                                                                                              | báo |
| - Cục Chất lượng, CB & PTTT                                                                                            | cáo |
| - Lãnh đạo Sở;                                                                                                         |     |
| - UBND các huyện, thành phố, thị xã; (để chỉ đạo)                                                                      |     |
| - Các Chi cục: QLCL NLS&TS, Thú y, BVTV, Trung tâm Khuyến nông; các phòng: Trồng trọt, Chăn nuôi, Thủy sản, Thanh tra; |     |
| - Phòng NN&PTNT các huyện;                                                                                             |     |
| - Phòng Kinh tế thị xã/ thành phố;                                                                                     |     |
| - Lưu: VT, QLCL.                                                                                                       |     |

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Nguyễn Văn Tráng**

Đơn vị :.....

**Mẫu báo cáo**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày      tháng      năm 2024

**BÁO CÁO**  
**THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2024**

Kính gửi: .....

**I. Quản lý, chỉ đạo**

| T<br>T | Nội dung hoạt động                                    | Tuyến xã (1)               |          | Tuyến huyện (2)                  |          | Tuyến tỉnh (3) |         | Cộng<br>(1+2<br>+3) |
|--------|-------------------------------------------------------|----------------------------|----------|----------------------------------|----------|----------------|---------|---------------------|
|        |                                                       | Số xã thực hiện/Tổng số xã | Số lượng | Số huyện thực hiện/Tổng số huyện | Số lượng | Số lượng       | Ghi chú |                     |
| 1      | Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai THĐ (văn bản) |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 2      | Tổ chức Lễ phát động/Hội nghị triển khai              |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 3      | Tổ chức Hội nghị tổng kết THĐ                         |                            |          |                                  |          |                |         |                     |

**II. Thông tin, truyền thông**

| T<br>T | Nội dung hoạt động                          | Tuyến xã (1)               |          | Tuyến huyện (2)                  |          | Tuyến tỉnh (3) |         | Cộng<br>(1+2<br>+3) |
|--------|---------------------------------------------|----------------------------|----------|----------------------------------|----------|----------------|---------|---------------------|
|        |                                             | Số xã thực hiện/Tổng số xã | Số lượng | Số huyện thực hiện/Tổng số huyện | Số lượng | Số lượng       | Ghi chú |                     |
| 1      | Nói chuyện/Hội thảo (buổi/tổng số người dự) |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 2      | Tập huấn (Lớp/tổng số người dự)             |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 3      | Phát thanh loa, đài (tin, bài, phóng sự)    |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 4      | Truyền hình (Buổi/tọa đàm, phóng sự)        |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 5      | Báo viết (tin/bài/phóng sự)                 |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 6      | Băng rôn, khẩu hiệu                         |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 7      | Tranh áp phích/Posters                      |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 8      | Tờ gấp, tờ rơi                              |                            |          |                                  |          |                |         |                     |
| 9      | Hoạt động khác (ghi rõ)                     |                            |          |                                  |          |                |         |                     |

1. Số lượng: ..... đoàn: .....

2. Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra: .....

### 3. Kết quả chi tiết:

[illegible]

[illegible]

#### IV. Kiểm nghiệm thực phẩm

| TT                | Nội dung                                   | Tuyến xã<br>(1) | Tuyến<br>huyện (2) | Tuyến<br>tỉnh (3) | Cộng<br>(1+2+3) |
|-------------------|--------------------------------------------|-----------------|--------------------|-------------------|-----------------|
| 1                 | Xét nghiệm tại labo ( <i>Tổng số mẫu</i> ) |                 |                    |                   |                 |
| 1.1               | Hóa lý<br>( <i>Tổng số mẫu</i> )           |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu đạt                                 |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu không đạt                           |                 |                    |                   |                 |
| 1.2               | Vi sinh<br>( <i>Tổng số mẫu</i> )          |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu đạt                                 |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu không đạt                           |                 |                    |                   |                 |
| 2                 | Xét nghiệm nhanh<br>( <i>Tổng số mẫu</i> ) |                 |                    |                   |                 |
| 2.1               | Hóa lý<br>( <i>Tổng số mẫu</i> )           |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu đạt                                 |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu không đạt                           |                 |                    |                   |                 |
| 2.2               | Vi sinh<br>( <i>Tổng số mẫu</i> )          |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu đạt                                 |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu không đạt                           |                 |                    |                   |                 |
| <b>Tổng (1+2)</b> |                                            |                 |                    |                   |                 |

#### V. Ngộ độc thực phẩm

| TT   | Nội dung                       | Kết quả |           | So sánh năm<br>nay/năm trước |
|------|--------------------------------|---------|-----------|------------------------------|
|      |                                | Năm nay | Năm trước |                              |
| 1    | Số vụ                          |         |           |                              |
| 2    | Số mắc (người)                 |         |           |                              |
| 3    | Số tử vong (người)             |         |           |                              |
| 4    | Số vụ $\geq 30$ người mắc (vụ) |         |           |                              |
| 5    | Nguyên nhân (vụ)               |         |           |                              |
|      | - Vi sinh                      |         |           |                              |
|      | - Hóa học                      |         |           |                              |
|      | - Độc tố tự nhiên              |         |           |                              |
|      | - Không xác định               |         |           |                              |
| Cộng |                                |         |           |                              |

#### VI. Các hoạt động khác (nếu có ghi cụ thể)

1. Thuận lợi:.....
2. Khó khăn:.....
3. Đề xuất, kiến nghị:.....

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu.

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
(Ký tên đóng dấu)